

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Chế Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn Bằng T, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: ông Nguyễn N, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn Bằng T, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

(bà N có mặt, còn ông N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Chế Thị N trình bày: bà và ông N xây dựng gia đình với nhau năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu thì có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhưng vẫn giải quyết được, tuy nhiên đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, ông N còn thường xuyên uống rượu say xỉn,

về nhà chửi bới bà. Bà N đã nhiều lần nói chuyện cho ông N cơ hội để thay đổi nhưng ông N vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống gia đình vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên bà N và ông N đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 13/02/1992 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/10/1995. Hiện nay hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung bà N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, bà N không trình bày và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn N trình bày: Ông và bà N kết hôn vào năm 1991 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không hòa hợp. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên ông và bà N đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 đến nay. Nay bà N làm đơn yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông N xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 13/02/1992 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/10/1995. Hiện nay hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông N xác định vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đồng thời, ông N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông N. Về con chung: hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bị đơn ông Nguyễn N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn N theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: bà N và ông N xây dựng gia đình với nhau vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/11/1991. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được nên làm đơn khởi kiện ly hôn. Xét thấy, vợ chồng bà N, ông N phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng lại không thống nhất được với nhau trong việc quản lý chi tiêu phát triển kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau, mặt khác mỗi lần ông N uống rượu lại không tự kiềm chế được bản thân nên đã có những lời nói và hành động thiếu tế nhị ảnh hưởng đến tâm lý của vợ con. Do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng lại không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn ông N vắng mặt nhưng trong lời khai của mình thì ông N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Do đó nếu cứ tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự do tình cảm vợ chồng không còn khả năng để cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông N.

[3] *Về con chung*: Bà Chế Thị N và ông Nguyễn N có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 13/02/1992 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/10/1995. Hiện nay hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn các đương sự không tự thỏa thuận được về tài sản chung và phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: bà N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.0p

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Chế Thị N, xử cho bà Chế Thị N và ông Nguyễn N được ly hôn.

2. Về án phí: bà Chế Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004738 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà N đã nộp đủ án phí.

Bà N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2024), riêng ông N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hằng Ngô Thị Luân

Phạm Thị Thúy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH.
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy